

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Hiệu

Thư ký phiên họp: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp: Ông Đỗ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1985

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú hiện nay: Số 106-30, làng Puzi, thị trấn Citong, huyện Yulin, Đài Loan, Trung Quốc. Số hộ chiếu: C6329116.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn Ph thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn ngày 20/11/2015 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên thường xảy ra to tiếng, không hòa thuận, mỗi người sống một nơi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh chị quyết định xin thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Ph và chị M có 02 con chung là Nguyễn Gia H (giới tính: nam), sinh ngày 06/01/2017 và Nguyễn Phương Th (giới tính: nữ), sinh ngày 06/01/2017. Hiện nay hai con chung đang sống với chị M. Anh Ph và chị

M thỏa thuận và thống nhất: Chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu H và cháu Th; anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Ph và chị M không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Ph đã làm giấy ủy quyền cho chị Nguyễn Thị M thực hiện mọi thủ tục cần thiết để giải quyết việc ly hôn. Chị M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Anh Ph và chị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 464, Điều 397, Điều 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Thị M về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Người yêu cầu phải chịu lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Nguyễn Văn Ph đang ở nước ngoài, sinh sống tại số 106-30, làng Puzi, thị trấn Citong, huyện Yulin, Đài Loan, Trung Quốc. Số hộ chiếu: C6329116; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Thị M đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên phiên họp được tiến hành vắng mặt người yêu cầu.

[2]. Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/11/2015 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, như vậy hôn nhân của anh Ph và chị M là hợp pháp. Hai bên đều thừa nhận, sau khi kết hôn vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hoàn cảnh ở cách xa nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Do đó, mâu thuẫn giữa anh Ph và chị M đã thực sự trầm trọng, không có khả năng hòa giải đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Ph và chị M đề nghị giải quyết ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Thị M thỏa thuận giao cháu Nguyễn Gia H (giới tính: nam), sinh ngày 06/01/2017 và Nguyễn Phương Th (giới tính: nữ), sinh ngày 06/01/2017 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận trên là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản và công nợ: Anh Ph và chị M không yêu cầu giải, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b và điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 207; Điều 361; khoản 2 Điều 367; Điều 370; Điều 371; 372; Điều 397; khoản 1 Điều 461, Điều 464 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Gia H (giới tính: nam), sinh ngày 06/01/2017 và Nguyễn Phương Th (giới tính: nữ), sinh ngày 06/01/2017 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị M, anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản, công nợ: Anh Ph và chị M không yêu cầu giải quyết tài sản, nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí: Áp dụng khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Chị Nguyễn Thị M chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0013507 ngày 21/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Đ, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Lê Thị Hiệu

